

**CÔNG TY TNHH MTV THỦY LỢI YÊN LẬP
QUẢNG NINH**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021
Đã được kiểm toán

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	3-4
Báo cáo kiểm toán Báo cáo tài chính	5-6
Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	07-8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11-19



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV thủy lợi Yên Lập Quảng Ninh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31/12/2021.

CÔNG TY

Công ty TNHH MTV thủy lợi Yên Lập Quảng Ninh là một doanh nghiệp được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5700102052 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 28 tháng 09 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 10 tháng 05 năm 2012.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5700102052 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 28 tháng 09 năm 2009, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Khai thác và xử lý cung cấp nước
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày
- Nuôi trồng thủy sản biển
- Xây dựng công trình công ích
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Tư vấn thiết kế công trình thủy lợi, thủy sản, thiết kế kết cấu công trình giao thông đường bộ; tư vấn khảo sát trắc địa, địa chất công trình.
- Điều hành tua du lịch
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động
- Nuôi trồng thủy sản nội địa
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Phường Minh Thành, thị xã Quảng Yên, Quảng Ninh.

Vốn điều lệ của Công ty là: 100.289.854.000 đồng.

Thông tin về chủ sở hữu:

Tên tổ chức: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Người đại diện theo pháp luật của Công ty:

Chức danh: Chủ tịch công ty

Họ và tên: Nguyễn Xuân Tùng

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban giám đốc trong năm và tại thời điểm lập báo cáo này gồm:

- 1- Ông : Nguyễn Xuân Tùng – Chủ tịch kiêm Giám đốc (Chức danh Giám đốc đến ngày 1/8/2021)
- 2- Ông : Nguyễn Khánh Dur - Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 1/8/2021)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty TNHH MTV thủy lợi Yên Lập Quảng Ninh đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam tại Quảng Ninh.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Hội đồng thành viên Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn.
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Quảng Ninh, ngày 31 tháng 03 năm 2022

TM. Ban Giám đốc
Giám đốc



H
H
N
H
T
A
N
H
L

Số: 25 /BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi:

**Chủ tịch, Ban Giám đốc
Công ty TNHH MTV thủy lợi Yên Lập Quảng Ninh**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty TNHH MTV thủy lợi Yên Lập Quảng Ninh được lập ngày 31/03/2022 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ:

- Chúng tôi không thể tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt, tài sản cố định cuối năm của Công ty vì chúng tôi được bổ nhiệm làm kiểm toán sau ngày kết thúc năm tài chính. Vì vậy, chúng tôi cũng không thể đưa ra ý kiến nhận xét về tính đúng đắn và tính hiện hữu của khoản mục này tại ngày 31/12/2021 và ảnh hưởng của chúng tới các khoản mục khác trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty.
- Công nợ phải thu, phải trả phải nộp, các khoản tạm ứng chưa được đối chiếu xác nhận tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của những vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV thủy lợi Yên Lập Quảng Ninh tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



ĐẶNG THANH TUẤN

Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 0551-2018-126-1

Thay mặt và đại diện cho

**CN CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ
THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM TẠI QUẢNG
NINH**

Quảng Ninh, ngày 31 tháng 03 năm 2022

NGUYỄN HỒNG HẢI

Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 1218-2018-126-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		25.260.667.317	24.088.379.138
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		5.394.588.026	549.935.600
1. Tiền	111	V.01	5.394.588.026	549.935.600
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		18.226.701.344	21.899.065.591
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	14.205.754.022	21.246.693.590
2. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.03	4.020.947.322	652.372.001
IV. Hàng tồn kho	140		30.428.896	30.428.896
1. Hàng tồn kho	141	V.04	30.428.896	30.428.896
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.608.949.051	1.608.949.051
1. Tài sản ngắn hạn khác	155	V.05	1.608.949.051	1.608.949.051
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		607.864.379.533	590.435.513.959
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220	V.06	607.864.379.533	590.435.513.959
1. Tài sản cố định hữu hình	221		607.864.379.533	590.435.513.959
- Nguyên giá	222		658.557.633.935	640.709.768.361
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(50.693.254.402)	-50.274.254.402
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		633.125.046.850	614.523.893.097

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021
(Tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng	
			31/12/2021	01/01/2021
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		21.480.569.707	20.519.281.528
I. Nợ ngắn hạn	310		21.480.569.707	20.519.281.528
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.07	47.365.059	47.365.059
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312			
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.08	558.647.815	149.147.227
4. Phải trả người lao động	314			5.260.113.932
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.09	530.590.500	
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.10	19.819.398.842	15.475.881.049
7. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		524.567.491	(413.225.739)
II. Nợ dài hạn	330			
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		611.644.477.143	594.004.611.569
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.11	611.644.477.143	594.004.611.569
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		611.644.477.143	594.004.611.569
- Vốn góp khác	411c		611.644.477.143	594.004.611.569
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421			
- Lợi nhuận sau thuế chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a			
- Lợi nhuận sau thuế chưa PP kỳ này	421b			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		633.125.046.850	614.523.893.097

Quảng Yên, ngày 31 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu

P. Kế toán trưởng

TM. Ban Giám đốc





BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL.1	34.014.816.436	34.973.481.835
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		34.014.816.436	34.973.481.835
4. Giá vốn hàng bán	11	VL.2	31.369.700.510	31.827.306.852
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.645.115.926	3.146.174.983
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21			-
7. Chi phí tài chính	22			-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			-
8. Chi phí bán hàng	25			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.3	2.645.115.926	3.146.174.983
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30			
11. Thu nhập khác	31			
12. Chi phí khác	32			
13. Lợi nhuận khác	40			
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50			
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51			
12. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60			

Quảng Yên, ngày 31 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu



P. Kế toán trưởng



TM. Ban Giám đốc



HÌNH
NG
KIỂM
HÀM
IẾT
QUAI
NG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Theo phương pháp trực tiếp

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2021	Năm 2020
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	49.460.009.198	24.596.042.539
2. Tiền chi trả người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(8.558.899.884)	
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(30.682.544.430)	(14.513.746.925)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	5.529.982.417	20.457.887.120
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(10.907.339.188)	(31.042.023.531)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	4.841.208.113	(501.840.797)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.444.313	3.997.121
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	3.444.313	3.997.121
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	4.844.652.426	-497.843.676
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	549.935.600	1.047.779.276
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5.394.588.026	549.935.600

Quảng Yên, ngày 31 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

TM. Ban Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH MTV thủy lợi Yên Lập Quảng Ninh là một doanh nghiệp được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5700102052 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 28 tháng 09 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 10 tháng 05 năm 2012.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5700102052 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 28 tháng 09 năm 2009, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Khai thác và xử lý cung cấp nước
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày
- Nuôi trồng thủy sản biển
- Xây dựng công trình công ích
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Tư vấn thiết kế công trình thủy lợi, thủy sản, thiết kế kết cấu công trình giao thông đường bộ; tư vấn khảo sát trắc địa, địa chất công trình.
- Điều hành tua du lịch
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động
- Nuôi trồng thủy sản nội địa
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Phường Minh Thành, thị xã Quảng Yên, Quảng Ninh.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong kỳ kế toán, hoạt động của Công ty không có đặc điểm đáng kể nào có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính. Hoạt động của Công ty diễn ra bình thường ở tất cả các kỳ trong năm.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm dương lịch. Cho kỳ kế toán này,

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (ký hiệu quốc gia là “đ”; ký hiệu quốc tế là “VND”).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính Hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

2. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản tiền do doanh nghiệp khác và cá nhân ký cược, ký quỹ tại Công ty được quản lý và hạch toán như tiền của Công ty.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

4. Nguyên tắc kế toán phải thu

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

a. Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, như: Phải thu về bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý, nhượng bán tài sản (TSCĐ, các khoản đầu tư tài chính) giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết).

b. Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, như:

- Các khoản phải thu tạo ra doanh thu hoạt động tài chính, như: khoản phải thu về lãi cho vay, tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia;
- Các khoản chi hộ bên thứ ba được quyền nhận lại; Các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác;
- Các khoản phải thu không mang tính thương mại như cho mượn tài sản, phải thu về tiền phạt, bồi thường, tài sản thiếu chờ xử lý...

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Các chỉ tiêu phải thu của Bảng cân đối kế toán có thể bao gồm cả các khoản được phản ánh ở các tài khoản khác ngoài các tài khoản phải thu, như: Khoản cho vay được phản ánh ở TK 1283; Khoản ký quỹ, ký cược phản ánh ở TK 244, khoản tạm ứng ở TK 141...

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao TSCĐ của Công ty được ước tính phù hợp và thực hiện theo phương pháp đường thẳng theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ.

Đối với các tài sản thuộc kết cấu hạ tầng (Loại 6 phân loại theo Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013) thì không trích khấu hao chỉ theo dõi hao mòn hàng năm.

7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

a. Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);

b. Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ:

- Các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: khoản phải trả về lãi vay, cổ tức và lợi nhuận phải trả, chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả;
- Các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; Các khoản tiền bên nhận ủy thác nhận của các bên liên quan để thanh toán theo chỉ định trong giao dịch ủy thác xuất nhập khẩu;
- Các khoản phải trả không mang tính thương mại như phải trả do mượn tài sản, phải trả về tiền phạt, bồi thường, tài sản thừa chờ xử lý, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ...

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tồn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

a. Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

b. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

a. Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;

31074
HÌNH
NG TY
NIỆM T
HÀM E
IẾT NA
QUANG
VG - T

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

b. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
 - Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
 - Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó
- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

c. Doanh thu hoạt động tài chính

d. Thu nhập khác

12. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

13. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

14. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí bán hàng bao gồm: Các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

1. C.
H
N
H GIÁ
TẠI
H
JANG

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: đồng

1 . Tiền	31/12/2021	01/01/2021
Tiền mặt tại quỹ	98.452.186	339.636.140
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.296.135.840	210.299.460
Tiền đang chuyển	-	-
Cộng	5.394.588.026	549.935.600
2 . Phải thu khách hàng ngắn hạn	31/12/2021	01/01/2021
a) Phải thu khách hàng	14.205.754.022	21.246.693.590
- Khách hàng khác	46.506.000	968.653.095
- Xi nghiệp nước Ưông Bí		15.968.800
- Sở NN và phát triển Nông thôn QN (KP năm 2018)	2.040.442.118	23
- Sở NN và phát triển Nông thôn QN (KP năm 2019)	586.451.564	3.361.838.265
- Sở NN và phát triển Nông thôn QN (KP năm 2020)	3.522.620.770	15.931.620.770
- Sở NN và phát triển Nông thôn QN (chi phí Hồ Cao Vân)	158.599.845	968.612.637
- Trung tâm nước sinh hoạt và VSMT nông thôn	557.120.025	
- Công ty Hồng Quảng	67.682.500	
- Trường đại học công nghiệp	20.032.745	
- Sân bay Vân Đồn	7.314.300	
- Công ty Bình Minh	3.213.000	
- Sở NN và phát triển Nông thôn QN (KP năm 2021)	2.597.549.631	
- Sở NN và phát triển Nông thôn QN (KP vượt SL nước thô)	4.562.067.524	
- Công ty mặt trời	1.000.000	
- Công ty TNHH XD và dịch vụ Thành Tú	35.154.000	
Cộng	14.205.754.022	21.246.693.590
3 . Phải thu ngắn hạn khác	31/12/2021	01/01/2021
	Giá trị Dự phòng	Giá trị Dự phòng
Phải thu khác	31.573.780 -	267.899.910 -
Tiền thuế đất và thuế tài nguyên Dự án Cao Vân		267.899.910
- Dự nợ phải trả công nhân viên	3.781.373.542 -	- -
Dư nợ phải trả, phải nộp khác	208.000.000 -	384.472.091 -
Cộng	4.020.947.322 -	652.372.001 -
4 . Hàng tồn kho	31/12/2021	01/01/2021
	Giá gốc Dự phòng	Giá gốc Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	30.428.896 -	30.428.896 -
Cộng	30.428.896 -	30.428.896 -
5 . Tài sản ngắn hạn khác	31/12/2021	01/01/2021
- Các đối tượng khác	1.608.949.051	1.608.949.051
Cộng	1.608.949.051	1.608.949.051
6 . Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình	(Chi tiết xem phụ lục số 01 kèm theo)	
7 . Phải trả người bán ngắn hạn	31/12/2021	01/01/2021
	Giá trị Số có khả năng trả nợ	Giá gốc Số có khả năng trả nợ
a) Phải trả người bán ngắn hạn	47.365.059 47.365.059	47.365.059 47.365.059

- Công ty điện lực

Cộng

47.365.059	47.365.059,00	47.365.059	47.365.059
47.365.059	47.365.059	47.365.059	47.365.059

8 . Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Đầu năm	Số hạch toán trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Cuối kỳ
Thuế giá trị gia tăng	47.236.261	683.872.115	582.609.856	148.498.520
Thuế tài nguyên	101.910.966	1.588.880.703	1.350.918.304	339.873.365
Tiền thuế đất, thuế nhà đất	-	-	-	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	70.275.930	-	70.275.930
Cộng	149.147.227	2.346.028.748	1.936.528.160	558.647.815

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

9 . Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

a) Chi tiết

- Công ty nước sạch vệ sinh nông thôn

10 . Phải trả ngắn hạn khác

- Tài sản thừa chờ xử lý

- Kinh phí công đoàn

- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp

- Các khoản phải trả, phải nộp khác:

Khoản theo đặt hàng

Công ty - thiết kế công trình Máng Lao

Tiền đền bù dự án xây dựng khu CN Sông Khoai

Dự án Đầm nhà Mạc

SCTX các hạng mục công trình

XN nước Uống Bí

Công ty cổ phần xây dựng vận tải

Trung tâm phát triển quỹ đất Quảng Yên

SCTX các hạng mục công trình 2020

SCTX các hạng mục công trình 2021

Dự án KCN Đầm nhà Mạc

Các đối tượng khác

Cộng

11 . Vốn chủ sở hữu

11.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu (Chi tiết tại phụ lục số 02)

11.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

- Vốn góp của Nhà nước

Cộng

	31/12/2021	01/01/2021
a) Chi tiết	530.590.500	0
- Công ty nước sạch vệ sinh nông thôn	530.590.500	
10 . Phải trả ngắn hạn khác	31/12/2021	01/01/2021
- Tài sản thừa chờ xử lý	-	-
- Kinh phí công đoàn	434.953.988	137.708.075
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	347.005.240	0
- Các khoản phải trả, phải nộp khác:	11.397.612.621	13.480.074.110
Khoản theo đặt hàng	176.668.351	232.892.351
Công ty - thiết kế công trình Máng Lao	132.258.030	132.258.030
Tiền đền bù dự án xây dựng khu CN Sông Khoai	1.157.987.300	1.157.987.300
Dự án Đầm nhà Mạc	77.547.650	2.099.043.000
SCTX các hạng mục công trình	1.148.112.419	1.619.362.419
XN nước Uống Bí	970.631.100	970.631.100
Công ty cổ phần xây dựng vận tải		267.899.910
Trung tâm phát triển quỹ đất Quảng Yên	7.000.000.000	7.000.000.000
SCTX các hạng mục công trình 2020	734.407.771	
SCTX các hạng mục công trình 2021	4.399.397.198	
Dự án KCN Đầm nhà Mạc	621.226.000	
Các đối tượng khác	2.619.203.795	1.858.098.864
Cộng	19.819.398.842	15.475.881.049

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

	Năm nay	Năm trước
1 . Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu		
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	34.014.816.436	34.973.481.835
Cộng	34.014.816.436	34.973.481.835
2 . Giá vốn hàng bán		
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	31.369.700.510	31.827.306.852
Cộng	31.369.700.510	31.827.306.852
3 . Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp		
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	2.645.115.926	3.146.174.983
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	2.645.115.926	3.146.174.983
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.645.115.926	3.146.174.983
a2) Các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1 . Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin khác:

Không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa ghi nhận.

2 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

6 . Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam tại Quảng Ninh.

7 . Thông tin về hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể qui mô hoạt động của mình.

Người lập biểu



P. Kế toán trưởng



Quảng Yên, ngày 31 tháng 03 năm 2022

TM. Ban Giám đốc



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THỦY LỢI YÊN LẬP QUẢNG NINH

Địa chỉ: P. Minh Thành - TX Quảng Yên - Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Phụ lục số 01: Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: đồng					
Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Kết cấu hạ tầng	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị DCQL	Tài sản khác
Nguyên giá TSCĐ					
Số dư đầu năm	5.526.227.000	634.305.984.361	750.057.000	127.500.000	640.709.768.361
Số tăng trong kỳ	-	17.847.865.574	-	-	17.847.865.574
- Mua trong kỳ	-	-	-	-	-
- Tăng do nhà nước bàn giao	-	17.847.865.574	-	-	17.847.865.574
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm do nhà nước bàn giao đơn vị khác	-	-	-	-	-
- Giảm khác (*)	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	5.526.227.000	652.153.849.935	750.057.000	127.500.000	658.557.633.935
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	1.909.205.860	47.495.091.542	750.057.000	119.900.000	50.274.254.402
Số tăng trong kỳ	203.400.000	208.000.000	-	7.600.000	419.000.000
- Khấu hao trong kỳ	203.400.000	-	-	7.600.000	211.000.000
- Tăng khác	-	208.000.000	-	-	208.000.000
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- giảm do bàn giao đơn vị khác	-	-	-	-	-
- Giảm khác (*)	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	2.112.605.860	47.703.091.542	750.057.000	127.500.000	50.693.254.402
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	3.617.021.140	586.810.892.819	-	7.600.000	590.435.513.959
Tại ngày cuối kỳ	3.413.621.140	604.450.758.393	-	-	607.864.379.533

Phụ lục số 02: Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn góp của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Chênh lệch tỷ giá	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	567.679.221.824	-	-	-	-	-	-	567.679.221.824
Tăng vốn trong năm trước	38.475.559.745	-	-	-	-	-	-	38.475.559.745
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-
Tăng vốn	-	-	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-
Trích các quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong kỳ	(12.150.170.000)	-	-	-	-	-	-	(12.150.170.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác (*)	(12.150.170.000)	-	-	-	-	-	-	(12.150.170.000)
Số dư đầu năm nay	594.004.611.569	-	-	-	-	-	-	594.004.611.569
Tăng vốn trong kỳ	17.639.865.574	-	-	-	-	-	-	17.639.865.574
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-
Tăng khác (*)	-	-	-	-	-	-	-	-
Trích các quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác (*)	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	611.644.477.143	-	-	-	-	-	-	611.644.477.143

Đơn vị tính: đồng

Tài sản cố định là kết cấu hạ tầng và các công trình phục vụ tưới tiêu do Nhà nước đầu tư bàn giao cho Công ty quản lý và khai thác công trình thủy lợi để tổ chức sản xuất kinh doanh cung ứng dịch vụ công ích